

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH MUA BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN CỦA NGƯỜI DÂN TẠI TPHCM

Nguyễn Ngọc Hiền^{1*}, Lê Thị Thanh Hoa¹

¹ Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

* Tác giả liên hệ: Email: nguyenngochien.qn@iuh.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/12/2022 Ngày chấp nhận: 16/11/2022

Ngày đăng: 25/04/2023

DOI: 10.52932/jfm.vi2.328

Phụ lục 1. Độ tin cậy và giá trị hội tụ

Khái niệm	Biến quan sát	CFA	SEM
Thái độ (Cập nhật từ Nosi và cộng sự, 2014).	TD1. Tôi nghĩ mua bảo hiểm xã hội tự nguyện là có lợi.	0,659	0,659
	TD2. Tôi nghĩ mua bảo hiểm xã hội tự nguyện là ý tưởng khôn ngoan.	0,570	0,570
	TD3. Tôi nghĩ mua bảo hiểm xã hội tự nguyện là dễ dàng.	0,670	0,670
	TD4. Tôi nghĩ mua bảo hiểm xã hội tự nguyện là cần thiết.	0,639	0,639
Chuẩn chủ quan (Cập nhật từ Nosi và cộng sự, 2014; Tan và cộng sự, 2017).	CCQ1. Người thân của Tôi nghĩ rằng Tôi nên mua bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,642	0,642
	CCQ2. Bạn bè Tôi nghĩ rằng Tôi nên mua bảo hiểm xã hội tự nguyện	0,703	0,703
	CCQ3. Những người quan trọng đối với Tôi nghĩ rằng Tôi nên mua bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,672	0,672
	CCQ4. Tôi muốn mua bảo hiểm xã hội tự nguyện như những người thân của Tôi đã mua.	0,615	0,615
Nhận thức kiểm soát hành vi (Cập nhật từ Mahdzan & Victoria, 2013).	KSHV1. Tôi cảm thấy tự tin khi mua bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,543	0,543
	KSHV2. Tôi dễ dàng tìm kiếm thông tin khi mua bảo hiểm xã hội tự nguyện	0,623	0,623
	KSHV3. Tôi hoàn toàn hiểu về bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,577	0,577
	KSHV4. Tôi đủ khả năng chi trả cho việc mua bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,542	0,542
Nhận biết (Cập nhật từ Kazaure, 2019).	NB1. Tôi nhận biết quyền lợi khi mua bảo hiểm xã hội tự nguyện	0,561	0,561
	NB2. Tôi nắm được các điều khoản quy định về phương thức đóng và điều kiện tham gia khi mua bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,842	0,842
	NB3. Tôi nắm được các điều khoản quy định trong luật bảo hiểm xã hội tự nguyện (độ tuổi, mức phí, thủ tục đăng ký).	0,838	0,838
	NB4. Tôi nhận biết ý nghĩa và trách nhiệm khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,637	0,637
Rào cản giá trị (Cập nhật từ Khanra và cộng sự, 2021).	RCGT1. Tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện không mang lại lợi ích nhiều so với các phương thức Bảo hiểm khác.	0,709	0,709
	RCGT2. Tôi không chắc, liệu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có mang lại giá trị so với số tiền tôi bỏ ra.	0,664	0,664
	RCGT3. Tôi không chắc, liệu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có mang lại dịch vụ tốt hay không?	0,669	0,669
	RCGT4. Tôi không chắc, liệu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có ấn tượng với Tôi hay không?	0,650	0,650

Rủi ro tài chính (Cập nhật từ Yi và cộng sự, 2020)	RRTC1. Tôi lo ngại công việc không ổn định để có thể mua bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,594	0,594
	RRTC2. Tôi lo ngại về việc thu nhập không ổn định trong quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,640	0,640
	RRTC3. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ nhận được dịch vụ thấp hơn với số tiền tôi phải bỏ ra để tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,640	0,640
	RRTC4. Tôi lo ngại về việc mức phí tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ cao hơn các loại hình BH khác mà lợi ích thì lại không bằng.	0,623	0,623
Rủi ro hiệu quả (Cập nhật từ Thuy & Thu, 2018)	RRHQ1. Tôi lo lắng rằng bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ không cung cấp cho Tôi mức lợi ích mà Tôi đã mong đợi.	0,629	0,629
	RRHQ2. Tôi nghĩ rằng việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là rất rủi ro về tiền bạc, thời gian, công sức.	0,639	0,639
	RRHQ3. Tôi cảm thấy không chắc chắn về những lợi ích mà Tôi có thể nhận được khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,665	0,665
	RRHQ4. Tôi rất lo ngại về khả năng vỡ quỹ Bảo hiểm.	0,695	0,695
Ý định mua bảo hiểm xã hội tự nguyện (Cập nhật từ Jahan & Sabbir, 2018)	YDINH1. Tôi có ý định mua bảo hiểm xã hội tự nguyện trong thời gian tới.	0,611	0,611
	YDINH2. Tôi sẽ nỗ lực để mua bảo hiểm xã hội tự nguyện trong thời gian sớm nhất có thể.	0,663	0,663
	YDINH3. Tôi nghĩ rằng có kế hoạch mua bảo hiểm xã hội tự nguyện là bắt buộc đối với tất cả mọi người.	0,622	0,622
	YDINH4. Tôi có ý định muốn giới thiệu người thân, bạn bè mua bảo hiểm xã hội tự nguyện.	0,717	0,717

Ghi chú: CFA = Trọng số nhân tố chuẩn hóa biến quan sát khi phân tích nhân tố khẳng định; SEM: Trọng số nhân tố chuẩn hóa biến quan sát khi sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính

Phụ lục 2. Giá trị thang đo

Khái niệm α	CR	AVE	RCGT	RRTC	CCQ	NB	RRQH	TD	KSHV	YDINH	
RCGT	0,767	0,768	0,553	0,744							
RRTC	0,718	0,719	0,520	0,517	0,721						
CCQ	0,753	0,754	0,534	-0,614	-0,417	0,731					
NB	0,810	0,816	0,533	0,024	0,089	-0,014	0,731				
RRHQ	0,753	0,753	0,572	0,676	0,554	-0,484	0,091	0,756			
TD	0,728	0,730	0,514	-0,303	-0,265	0,616	0,046	-0,275	0,636		
KSHV	0,761	0,760	0,528	-0,109	0,011	0,455	-0,030	-0,096	0,527	0,717	
YDINH	0,750	0,749	0,568	-0,739	-0,619	0,802	-0,067	-0,744	0,654	0,438	0,754

Ghi chú: α = Cronbach's alpha; C.R = Độ tin cậy tổng hợp; AVE = Phương sai trích trung bình; Căn bậc hai của AVE là các giá trị in đậm nằm trên đường chéo là; Các giá trị ngoài đường chéo là giá trị tương quan giữa các cấu trúc.

Phụ lục 3. Kết quả kiểm định giả thuyết

